

HOC360.NET - TÀI LIỆU HỌC TẬP MIỄN PHÍ

9	○	○	○	○	19	○	○	○	○	29	○	○	○	○	39	○	○	○	○	49				
10	○	○	○	○	20	○	○	○	○	30	○	○	○	○	40	○	○	○	○	50				

ĐÁP ÁN MÃ ĐỀ 006

- | | | | | | | |
|------|------|------|------|------|------|------|
| 1D. | 2B. | 3C. | 4D. | 5D. | 6A. | 7A. |
| 8B. | | | | | | |
| 9C. | 10A. | 11A. | 12B. | 13C. | 14B. | 15C. |
| 16A. | | | | | | |
| 17B. | 18A. | 19B. | 20B. | 21C. | 22B. | 23A. |
| 24D. | | | | | | |
| 25C. | | | | | | |

ĐỀ SỐ 005

ĐỀ KIỂM TRA MỘT TIẾT – GIẢI TÍCH 12 - CHƯƠNG I

Họ và tên:.....Lớp:.....

Câu 1. Hệ số góc k của tiếp tuyến của đồ thị hàm số $y = \frac{x-1}{x+1}$ tại điểm giao điểm của đồ thị hàm số với trục tung bằng: A. $k = -2$ B. $k = 2$ C. $k = 1$
D. $k = -1$

Câu 2. Đồ thị hàm số nào sau đây có đường tiệm cận đứng là $x = 1$ và tiệm cận ngang là $y = -2$

A. $y = \frac{x+2}{x-1}$ B. $y = \frac{x-1}{x+1}$ C. $y = \frac{-2x}{1+x}$ D. $y = \frac{2x}{1-x}$

Câu 3. Cho hàm số $y = -x^3 + 3x^2 - 3x + 1$, mệnh đề nào sau đây là đúng?
A. Hàm số luôn luôn nghịch biến B. Hàm số luôn luôn đồng biến
C. Hàm số đạt cực đại tại $x = 1$ D. Hàm số đạt cực tiểu tại $x = 1$.

Câu 4. Kết luận nào sau đây về tính đơn điệu của hàm số $y = \frac{2x+1}{x+1}$ là đúng?

- A. Hàm số luôn luôn nghịch biến trên $\mathbb{R} \setminus \{-1\}$
B. Hàm số luôn luôn đồng biến trên $\mathbb{R} \setminus \{-1\}$
C. Hàm số đồng biến trên khoảng $(-\infty; -1) \cup (-1; +\infty)$
D. Hàm số đồng biến trên các khoảng $(-\infty; -1)$ và $(-1; +\infty)$.

Câu 5. Giá trị lớn nhất của hàm số $y = x^3 - 3x^2$ trên $[-1; 1]$ là:

- A. -4 B. 0 C. 2 D. -2

Câu 6. Trong các khẳng định sau về hàm số $y = -\frac{1}{4}x^4 + \frac{1}{2}x^2 - 3$, khẳng định nào là đúng?

- A. Hàm số có điểm cực tiểu là $x = 0$ B. Hàm số có hai điểm cực đại là $x = \pm 1$
C. Cả A và B đều đúng; D. Chỉ có A là đúng.

Câu 7. Hàm số: $y = x^3 + 3x^2 - 4$ nghịch biến khi x thuộc khoảng nào sau đây:

- A. $(-2; 0)$ B. $(-3; 0)$ C. $(-\infty; -2)$ D. $(0; +\infty)$

Câu 8. Điểm cực tiểu của hàm số: $y = -x^3 + 3x + 4$ là :

- A. $x = 1$ B. $x = -1$ C. $x = -3$ D. $x = 3$

Câu 9. Điểm cực đại của hàm số: $y = \frac{1}{2}x^4 - 2x^2 - 3$ là :

- A. $x = 0$ B. $x = \pm\sqrt{2}$ C. $x = -\sqrt{2}$ D. $x = \sqrt{2}$

Câu 10. Cho hàm số $y = -x^3 + 3x^2 + 9x + 2$. Đồ thị hàm số có tâm đối xứng là điểm

- A. $(1; 12)$ B. $(-1; 0)$ C. $(1; 13)$ D. $(1; 14)$

Câu 11. Cho hàm số $f(x) = -2x^3 + 6x - 4$. Tập xác định của hàm số là

- A. $(2; 1)$ B. $(1; 2)$ C. $(1; -1)$ D. $(-\infty; +\infty)$

Câu 12. Cho hàm số $y = \frac{3}{x-2}$. Số tiệm cận của đồ thị hàm số bằng

- A. 0 B. 1 C. 2 D. 3

Câu 13. Cho hàm số $y = x^3 - 3x^2 - 9x + 1$. Tổng các giá trị cực đại và cực tiểu của đồ thị hàm số bằng

- A. -6 B. -26 C. -20 D. 20

Câu 14. Cho hàm số $y = x^3 + 4x$. Số giao điểm của đồ thị hàm số và trục Ox bằng

- A. 0 B. 2 C. 3 D. 1

Câu 15. Cho hàm số $y = \sqrt{-x^2 + 2x}$. Giá trị lớn nhất của hàm số bằng

- A. 0 B. 1 C. 2 D. $\sqrt{3}$